

BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN TRUNG ƯƠNG
THÁI NGUYÊN

Số: 200 /TB-BVTWTN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Thái Nguyên, ngày 19 tháng 12 năm 2025

THÔNG BÁO

V/v mời báo giá thuốc cung cấp cho Nhà thuốc Bệnh viện lần 4 năm 2025
(đợt 2)

Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên có nhu cầu mua thuốc phục vụ cho hoạt động của nhà thuốc của Bệnh viện.

Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên kính mời các đơn vị quan tâm có đủ năng lực kinh nghiệm cung cấp hồ sơ (theo biểu mẫu đính kèm) để bệnh viện lựa chọn công ty cung ứng.

Hồ sơ xin gửi về Khoa Dược – Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên. Đồng thời gửi 01 bản báo giá dưới dạng file pdf và 01 file dạng excel qua địa chỉ Email: nhathuocbvtwn@gmail.com

Địa chỉ: Số 479, đường Lương Ngọc Quyến, Phường Phan Đình Phùng, Tỉnh Thái Nguyên

Thời gian nhận hồ sơ: Từ ngày thông báo đến ngày 28/12/2025

Mọi thắc mắc xin liên hệ, DS. Nguyễn Hương Giang, Số điện thoại: 0355818461

Xin trân trọng cảm ơn! Chữ

Nơi nhận:

- Website BV TWTN;
- Lưu VT, KD. Chữ





HỒ SƠ CÔNG TY CUNG CẤP

(Kèm công văn số ngày / /2025 về việc mời báo giá thuốc)

Hồ sơ cung cấp Công ty sắp xếp theo thứ tự lần lượt như sau:

I. Hồ sơ pháp lý công ty:

1. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao công chứng)
2. Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dược có phạm vi phù hợp với sản phẩm tương ứng (bản sao công chứng)
3. Chứng chỉ hành nghề dược của người phụ trách chuyên môn (bản sao công chứng)
4. Giấy chứng nhận thực hành tốt bảo quản thuốc GSP (bản sao công chứng)
5. Giấy chứng nhận thực hành tốt phân phối nhà thuốc GDP (bản sao công chứng)
6. Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc GMP (bản sao công chứng)
7. Bản cam kết chất lượng hàng hóa, giá và cung ứng sản phẩm (Phục lục 1)

II. Hồ sơ sản phẩm

1. Báo giá đơn vị cung cấp (Phục lục 2)
2. Giấy phép lưu hành sản phẩm/Quyết định cấp đăng ký lưu hành/Công văn duy trì hiệu lực số đăng ký lưu hành. Trong trường hợp Giấy đăng ký lưu hành hết hiệu lực, đơn vị cung cấp thẻ kho và cam kết số lượng cung ứng trong thời gian thực hiện hợp đồng.
3. Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan) đối với thuốc nhập khẩu
4. Ủy quyền của nhà phân phối hoặc hãng sản xuất đối mặt hàng báo giá
5. Mẫu nhãn và hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt Nam được Cục Quản lý dược đóng dấu hoặc cam kết của công ty sản xuất hoặc công ty đăng ký về việc Mẫu nhãn và hướng dẫn sử dụng phù hợp với hồ sơ đăng ký đã nộp lại tại Cục Quản lý Dược.
6. Quyết định trúng thầu trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày thông báo mời báo giá (nếu có)
7. Hoá đơn bán hàng cho các cơ sở y tế/nhà thuốc trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày thông báo mời báo giá (đối với thuốc chưa có kết quả trúng thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia).

Các tài liệu do công ty cung cấp phải có dấu xác nhận của công ty, đồng thời chuẩn bị sẵn tài liệu gốc để phục vụ việc xác minh khi có yêu cầu của Bệnh viện.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc



Thái Nguyên, ngày tháng năm

BẢN CAM KẾT

Tên Công ty:.....
Địa chỉ:.....
Điện thoại:.....
Email:.....
Người đại diện:.....Chức vụ:.....

Tất cả các hồ sơ mà Công ty gửi đến Bệnh viện là chính xác, đúng với Hồ sơ gốc còn hiệu lực. Nếu các cơ quan thanh tra kiểm tra phát hiện có sự giả mạo trong hồ sơ thì công ty chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Chúng tôi xin cam kết tới quý Bệnh viện:

1. Cam kết đảm bảo chất lượng hàng hóa

- Đảm bảo chất lượng, mẫu nhãn đúng như đã đăng ký với cơ quan có thẩm quyền.
- Đúng với nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa về hãng sản xuất, nước sản xuất.
- Hạn sử dụng còn lại của thuốc tính từ thời điểm thuốc cung ứng cho cơ sở y tế phải bảo đảm tối thiểu còn 03 tháng đối với thuốc có hạn dùng từ 01 năm trở lên, 1/4 hạn dùng đối với thuốc có hạn dùng dưới 01 năm. Trong trường hợp hạn sử dụng của thuốc không đáp ứng yêu cầu nêu trên, để bảo đảm có thuốc phục vụ nhu cầu khám bệnh, chữa bệnh, căn cứ tình hình thực tế, Bệnh viện quyết định hạn sử dụng còn lại của thuốc trúng thầu tính đến thời điểm thuốc cung ứng cho cơ sở y tế và không được yêu cầu cao hơn quy định nêu trên, phải đảm bảo còn hạn sử dụng khi sử dụng thuốc cho bệnh nhân
- Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm thu hồi thuốc trong trường hợp hàng đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền, đồng thời hoàn trả đầy đủ thuốc đảm bảo chất lượng cho Bệnh viện tương ứng với số lượng thuốc đã thu hồi hoặc mua lại toàn bộ số hàng còn lại theo giá bán ra của nhà thuốc Bệnh viện, đồng thời đền bù mọi chi phí có liên quan.

2. Cam kết về giá

- Chúng tôi cam kết giá của các sản phẩm do công ty chúng tôi cung cấp cho nhà thuốc bệnh viện là thấp hơn hoặc bằng giá đã công bố/kê khai với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Cam kết về cung ứng sản phẩm

- Cung ứng kịp thời, chính xác, đủ số lượng thuốc theo đơn đặt hàng của Nhà thuốc bệnh viện. Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu giao hàng, tiến độ và phạm vi cung cấp nêu trong giá bán.
- Công ty cung cấp đầy đủ phiếu kiểm nghiệm cho từng lô hàng ở mỗi lần nhập.
- Trong suốt quá trình vận chuyển, giao nhận thuốc phải đảm bảo đúng các yêu cầu điều kiện ghi trên nhãn, theo các nguyên tắc GSP, GDP và các quy định về quản lý các thuốc có yêu cầu quản lý đặc biệt.

Cam kết có hiệu lực kể từ ngày ký. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của Quý bệnh viện./.

Đại diện hợp pháp của Công ty (doanh nghiệp)
(Ký tên, đóng dấu)

DANH MỤC THUỐC MỜI BẢO GIÁ

(Kèm công văn số 207 ngày 19 / 12 /2025 về việc mời báo giá thuốc nhà thuốc Bệnh viện lần 4 (đợt 2))

STT	Mã phân (lô)	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Nhóm TCKT
I. Danh mục thuốc Generic						
1	2025.NTL4.5 9	Bisoprolol (dạng muối) + Perindopril arginine	5mg; 10mg	Uống	Viên	1
2	2025.NTL4.6 0	Bisoprolol (dạng muối) + Perindopril arginine	5mg; 5mg	Uống	Viên	1
3	2025.NTL4.6 1	Acetylcystein	200mg; 3g	Uống	Gói	1
4	2025.NTL4.6 2	Fluticason furoat	27,5 mcg/ liều xịt; 60 liều xịt	Xịt mũi	Bình	BDG/ Nhóm 1
5	2025.NTL4.6 3	Fluticason furoat	27,5 mcg/ liều xịt; 120 liều xịt	Xịt mũi	Bình	BDG/ Nhóm 1
6	2025.NTL4.6 4	Bambuterol (dạng muối)	10mg	Uống	Viên	1
7	2025.NTL4.6 5	Levothyroxine (dạng muối)	100mcg	Uống	Viên	1
8	2025.NTL4.6 6	Bilastine	10mg	Uống	Viên	BDG/ Nhóm 1
9	2025.NTL4.6 7	Budesonid + Glycopyrronium + Formoterol fumarat dihydrat	160mcg + 7,2mcg + 5mcg	Hít	Bình	1
10	2025.NTL4.6 8	Cetorelix (dưới dạng Cetorelix acetate)	0,25 mg	Tiêm dưới da	Lọ	1
11	2025.NTL4.6 9	Ketoprofen	2,5g/100g gel, 30g	Bôi ngoài da	tuýp	1
12	2025.NTL4.7 0	Vildagliptin + Metformin hydrochloride	1000mg + 50mg	Uống	Viên	1
13	2025.NTL4.7 1	Vildagliptin + Metformin hydrochloride	850mg + 50mg	Uống	Viên	1
14	2025.NTL4.7 2	Metformin (dạng muối)	850mg	Uống	Viên	BDG
15	2025.NTL4.7 3	Follitropin alfa	450IU/0,75ml (33µg/0,75ml)	Tiêm dưới da	Bút tiêm	1
16	2025.NTL4.7 4	Follitropin alfa	300IU/0,5ml (22µg/0,5ml)	Tiêm dưới da	Lọ	1
17	2025.NTL4.7 5	Follitropin alfa	900IU/1,5ml (tương đương 66µg/1,5ml)	Tiêm dưới da	Lọ	1
18	2025.NTL4.7 6	Sitagliptin + Metformin (dạng muối)	100mg + 1000mg	Uống	Viên	BDG/ Nhóm 1
19	2025.NTL4.7 7	Loxoprofen (dạng muối)	60mg	Uống	Viên	1

STT	Mã phần (lô)	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Nhóm TCKT
				Uống	Viên	BDG
20	2025.NTL4.7 8	Levothyroxine (dạng muối)	100mcg			
21	2025.NTL4.7 9	Dầu đậu nành + Glycerol + Phospholipid từ trứng	(25g+ 6,25g+ 1,5g)/250ml	Tiêm/ Tiêm truyền	Chai	1
22	2025.NTL4.8 0	Esomeprazole (dạng muối)	40mg	Tiêm/Tiêm truyền	Lọ	BDG
23	2025.NTL4.8 1	Follitropin alfa (rhFSH) + Lutropin alfa (r-hLH)	(300IU + 150IU)/0,48 ml	Tiêm dưới da	Bút tiêm	1
24	2025.NTL4.8 2	Follitropin alfa (rhFSH) + Lutropin alfa (r-hLH)	(450IU + 225IU)/0,72 ml	Tiêm dưới da	Bút tiêm	1
25	2025.NTL4.8 3	Follitropin alpha (r-hFSH)+ Lutropin alpha (r-hLH)	150IU (tương đương 11 micrograms)+ 75IU (tương đương 3 micrograms)	Tiêm dưới da	Lọ	1
26	2025.NTL4.8 4	Perindopril + Indapamide + Amlodipine	6,79mg + 2,5mg + 10mg	Uống	Viên	1
27	2025.NTL4.8 5	Perindopril + Indapamide + Amlodipine	3,395mg + 1,25mg + 10mg	Uống	Viên	1
28	2025.NTL4.8 6	Sacubitril + Valsartan (dạng muối)	97,2mg + 102,8mg	Uống	Viên	2
29	2025.NTL4.8 7	Sacubitril + Valsartan (dạng muối)	24,3mg + 25,7mg	Uống	Viên	2
30	2025.NTL4.8 8	Sildenafil	50mg	Uống	Viên	BDG
31	2025.NTL4.8 9	Drospirenon + Ethinylestradiol	3,0mg + 0,03mg	Uống	Viên	BDG, 1
32	2025.NTL4.9 0	Cyproterone acetate + Ethinylestradiol	2mg + 0,035mg	Uống	Viên	1
33	2025.NTL4.9 1	Lactobacillus acidophilus + Estriol	(10 ⁸ - 10 ¹⁰ cfu) + 0,03mg	Uống	Viên	1
34	2025.NTL4.9 2	L-Isoleucine + L-Leucine + L-Lysine HCl + L-Methionine + L-Phenylalamine + L-Threonine + L-Tryptophan + L-Valine + L-Histidine HCL hydrate	2,1236g	Uống	Gói	1

STT	Mã phần (lô)	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Nhóm TCKT
35	2025.NTL4.9 3	Retinol palmitate tương đương Retinol + Cholecalciferol + DL alpha-tocopherol tương đương alpha- tocopherol + Acid Ascorbic + Cocarboxylase tetrahydrate tương đương Thiamine + Riboflavin dihydrate sodium phosphate tương đương Riboflavin + Pyridoxine hydrochloride tương đương Pyridoxin + Cyanocobalamine + Folic acid + Dexpanthenol tương đương Pantothenic acid + D-Biotin + Nicotinamide	3500IU + 220IU + 11,2IU + 125mg + 3,51mg + 4,14mg + 4,53mg + 0,006mg + 0,414mg + 17,25mg + 0,069mg + 46mg	Tiêm	Lọ	1
36	2025.NTL4.9 4	L-Isoleucine + L-Leucine + L-Valin	4,15g	Uống	Gói	1
37	2025.NTL4.9 5	Follitropin beta	300IU/0,36ml	Tiêm	Ống	1
38	2025.NTL4.9 6	Follitropin beta	600IU/0,72ml	Tiêm	Ống	1
39	2025.NTL4.9 7	Ibandronic acid	150mg	Uống	Viên	1
40	2025.NTL4.9 8	Esomeprazol (Dạng muối)	20mg	Uống	Viên	BDG/ Nhóm 1
41	2025.NTL4.9 9	Esomeprazole (dạng muối)	10mg	Uống	Viên	BDG/ Nhóm 1
42	2025.NTL4.1 00	Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrate 512,46mg)	500 mg	Uống	Viên	BDG
43	2025.NTL4.1 01	Các kháng thể gắn với interferon gamma ở người	3mg	Uống	Viên	5
44	2025.NTL4.1 02	Irbesartan	300 mg	Uống	Viên	BDG
45	2025.NTL4.1 03	Simethicone + Alverine citrate	300mg + 60mg	Uống	Viên	2
46	2025.NTL4.1 04	Bào tử kháng đa kháng sinh Bacillus clausii	2 tỷ bào tử/5 ml	Uống	Ống	1
47	2025.NTL4.1 05	Bào tử Bacillus clausii kháng đa kháng sinh	4 tỷ bào tử /5 ml	Uống	Ống	1
48	2025.NTL4.1 06	Epoetin alfa	4000 IU/0,4ml	Tiêm	Ống	BDG
49	2025.NTL4.1 07	Ginkgo Biloba phytosome, chiết xuất Ginkgo Biloba	40mg	Uống	Viên	2

STT	Mã phần (lô)	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Nhóm TCKT
50	2025.NTL4.1 08	Hydroxychloroquine sulfate	200mg	Uống	Viên	2
51	2025.NTL4.1 09	Metronidazol + Miconazol nitrat	500mg + 100mg	Đặt âm đạo	Viên	2
52	2025.NTL4.1 10	Phospholipid đậu nành	300mg	Uống	Viên	5
53	2025.NTL4.1 11	Mecobalamine 1500mcg	1500mcg	Uống	Viên	5
54	2025.NTL4.1 12	Domperidone	1mg/ml;100ml	Uống	Lọ	1
55	2025.NTL4.1 13	Drotaverine hydrochloride	40mg/2 ml	Tiêm	Ống	BDG/ Nhóm 1
56	2025.NTL4.1 14	Drotaverine hydrochloride	80 mg	Uống	Viên	BDG/ Nhóm 1
57	2025.NTL4.1 15	Itraconazole	100mg	Uống	Viên	1
58	2025.NTL4.1 16	Cinnarizine	25mg	Uống	Viên	1
59	2025.NTL4.1 17	Tramadol hydrochloride + Paracetamol	37,5mg + 325mg	Uống	Viên	1

